

Số: 125 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 05 tháng 5 năm 2020

BÁO CÁO
**Kết quả cung cấp thông tin, phản ánh về vướng mắc,
hạn chế của hệ thống pháp luật**

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Thực hiện Công văn số 1202/TCT ngày 01/4/2020 của Tổ Công tác của Thủ tướng Chính phủ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật về việc cung cấp thông tin, phản ánh về vướng mắc, hạn chế của hệ thống pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo kết quả cung cấp thông tin, phản ánh về vướng mắc, hạn chế của hệ thống pháp luật như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH TRONG MỘT SỐ LĨNH VỰC

1. Các quy định về điều kiện gia nhập thị trường, tổ chức, quản lý và hoạt động của doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã)

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính Phủ, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để hỗ trợ doanh nghiệp phát triển sản xuất, kinh doanh, cụ thể: Chương trình hành động số 319/CTr-UBND ngày 26/8/2016 thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020; Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 03/6/2016, cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang về thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang.

Thực hiện Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 05/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai, thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 35/NQ-CP và Chỉ thị số 26/CT-TTg, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 13/7/2018, giao nhiệm vụ cụ thể đối với các sở, ban, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện đồng bộ hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp để cải cách hành chính (CCHC), cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển.

Bên cạnh đó, để triển khai thực hiện các Nghị quyết số 19/2018/NQ-CP; Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, UBND tỉnh

CHỖ NHẬN

đã ban hành các kế hoạch như: Kế hoạch số 123/KH-UBND ngày 20/7/2018; Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 10/6/2019.

Thủ tục thành lập doanh nghiệp, thủ tục đầu tư: Đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục thành lập doanh nghiệp so với quy định hiện hành, theo đó thời gian đăng ký doanh nghiệp thành lập mới giảm từ 03 ngày còn 1,5 ngày; thời gian cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là 15 ngày làm việc (thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư 2014); thời gian giải quyết thủ tục hành chính về đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh trên 35 ngày làm việc (thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư 2014); khoảng 25% hồ sơ đăng ký doanh nghiệp sử dụng dịch vụ đăng ký kinh doanh qua mạng điện tử mức độ 3, 4.

2. Các quy định về phê duyệt, triển khai, tổ chức thực hiện, chấm dứt dự án đầu tư (bao gồm cả đầu tư công)

Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại Điểm đ, khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư, đối với “Dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu hoặc nhận chuyển nhượng; dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất” chưa quy định rõ là cần phải nộp bản sao thỏa thuận địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư hay không. Sự thiếu thống nhất trong quy định trên khiến cho cơ quan nhà nước không xác định được thành phần hồ sơ, thủ tục nào cần yêu cầu nhà đầu tư cung cấp để đảm bảo đầy đủ thủ tục theo quy định.

Cấp giấy chứng nhận đầu tư: Theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Luật Đầu tư quy định “*Trường hợp có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này, nhà đầu tư thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều 37 của Luật này*”. Quy định được hiểu là khi nhà đầu tư có nhu cầu thì mới đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Đầu tư quy định “*Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại các điều 30, 31 và 32 của Luật này, cơ quan đăng ký đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư*”. Quy định được hiểu là khi có quyết định chủ trương đầu tư thì phải cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Như vậy, còn chồng chéo, thiếu thống nhất cấp Giấy chứng nhận đầu tư giữa quy định tại khoản 4 Điều 36 và khoản 1 Điều 37 Luật Đầu tư. Việc này sẽ làm lãng phí nguồn lực nhà nước.

3. Các quy định về tài chính, thuế; quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

- Ngày 14 tháng 2 năm 2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 16/2015/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, thay thế Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006. Tại điểm a khoản 1 Điều 22 quy định “Căn cứ các quy định tại Nghị định này: *Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Y tế... quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực*” và tại khoản 1 Điều 24 quy định “*làm cơ sở để xây dựng Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp trong từng lĩnh vực*”. Do đó, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP là Nghị định khung, làm cơ sở cho các Bộ tham mưu Chính phủ ban hành các Nghị định quy định cụ thể cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập cho từng lĩnh vực.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Bộ Khoa học và Công nghệ đã tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và Bộ Tài chính tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác. Riêng đối với các lĩnh vực còn lại là giáo dục đào tạo; dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin truyền thông và báo chí vẫn chưa có văn bản quy định cụ thể để làm cơ sở cho địa phương triển khai thực hiện mà vẫn thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ. Do đó, gây không ít khó khăn trong việc quản lý.

- Căn cứ Luật giá năm 2012; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ. Theo đó về nguyên tắc định giá của Nhà nước là bảo đảm bù đắp chi phí sản xuất, kinh doanh thực tế hợp lý, có lợi nhuận phù hợp với mặt bằng giá thị trường và chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ. Riêng đối với giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và dịch vụ giáo dục, đào tạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở giáo dục, đào tạo của Nhà nước được thực hiện theo mức giá quy định tại các văn bản của bộ, ngành Trung ương và địa phương. Tuy nhiên, về mặt quản lý chứng từ, hóa đơn, thuế thu nhập doanh nghiệp... được thực hiện theo hình thức giá kinh doanh dịch vụ làm cho các cơ quan chuyên môn và cơ quan thuế chưa đồng nhất với nhau về quản lý và điều hành.

Trước khi thực hiện chủ trương của nhà nước về đổi mới doanh nghiệp, tỉnh Kiên Giang có trên 22 doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý. Sau khi tái cơ cấu, đổi mới, sắp xếp và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước; đến thời điểm hiện nay, tỉnh còn 04 doanh nghiệp có vốn nhà nước do UBND tỉnh Kiên Giang làm đại diện vốn chủ sở hữu, gồm:

+ 02 doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Xổ số kiến thiết Kiên Giang; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Cấp thoát nước Kiên Giang.

+ 01 doanh nghiệp do nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Hai thành viên Nông lâm nghiệp Kiên Giang.

+ 01 doanh nghiệp do nhà nước sở hữu dưới 50% vốn điều lệ: Công ty Cổ phần Thương mại Kiên Giang.

Các doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp do nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ sau khi được sắp xếp, chuyển đổi, hoạt động có hiệu quả; bảo đảm việc sử dụng vốn, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước; đồng thời, doanh nghiệp nhà nước đã nắm bắt nhanh các mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của địa phương để cụ thể hóa thành mục tiêu sản xuất, kinh doanh ở từng lĩnh vực, ngành nghề, sản phẩm phù hợp với cơ chế thị trường

Tuy nhiên, tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của một số doanh nghiệp quy mô tăng chậm, chưa thật sự ổn định và phát triển bền vững; chưa xây dựng được chiến lược phát triển kinh doanh dài hạn; chưa quan tâm đến việc liên kết, liên doanh giữa các doanh nghiệp trên cùng địa bàn để huy động nguồn lực về vốn, kỹ thuật.

Bên cạnh đó còn có những hạn chế bất cập trong kiểm soát doanh nghiệp có vốn nhà nước cần kiến nghị sửa đổi, bổ sung:

- Theo Luật Thanh tra năm 2010, thì cơ quan thanh tra không có chức năng chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động thanh tra chuyên ngành, mà hoạt động thanh tra chuyên ngành thường liên quan nhiều đến doanh nghiệp, từ đó cũng gây khó khăn cho công tác chỉ đạo điều hành hoạt động thanh tra và xử lý chồng chéo, trùng lặp trong kế hoạch thanh tra trong phạm vi cấp tỉnh.

- Một số văn bản quy định về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp còn có sự mâu thuẫn, như Nghị định số 49/2014/NĐ-CP ngày 20/5/2014 của Chính phủ quy định về giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với doanh nghiệp nhà nước trong việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thanh tra việc chấp hành pháp luật và tuân thủ quyết định của chủ sở hữu tối thiểu 01 năm 01 lần đối với doanh nghiệp. Tuy nhiên Chỉ thị số 20/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ yêu cầu không để tình trạng thanh tra, kiểm tra quá 01 lần/năm; mặt khác việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn của thanh tra tỉnh, huyện trong thanh tra đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước chưa quy định cụ thể, rõ ràng, từ đó khi thực hiện còn gặp không ít khó khăn.

- Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV ngày 28/5/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ về ban hành quy chế mẫu

giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập. Theo đó có quy định trách nhiệm của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp (Điều 13); phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp (Điều 14); trách nhiệm trong báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp (Điều 18), việc quy định liên tịch về công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp nhưng không có cơ quan Thanh tra Chính phủ tham gia là chưa phù hợp.

- Tại Thông tư số 97/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng, đối với trưởng ban kiểm soát, kiểm soát viên tại công ty TNHH Một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ, đã không quy định việc trích lập, quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người đại diện vốn nhà nước tại công ty cổ phần có vốn nhà nước; không hướng dẫn việc xử lý số dư của quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của kiểm soát viên và người đại diện vốn nhà nước, do đó gặp nhiều khó khăn trong việc chi trả thù lao, tiền thưởng cho người đại diện phần vốn nhà nước tại các công ty cổ phần có vốn nhà nước.

Trong quá trình tiến hành thực hiện chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần tỉnh gặp khó khăn về vấn đề xử lý tài sản là nhà, đất của đơn vị sự nghiệp khi cổ phần hóa: Cụ thể theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg, đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức kiểm kê, phân loại tài sản đang quản lý, sử dụng; lập bảng kê xác định số lượng, chất lượng và giá trị của tài sản hiện có do mình đang quản lý và sử dụng (bao gồm cả các tài sản là quyền sử dụng đất,...); xác định tài sản thừa, thiếu so với sổ kế toán. Việc xác định giá trị tài sản của đơn vị sự nghiệp khi cổ phần hóa được thực hiện theo phương pháp tài sản. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi được thực hiện theo khoản 6 Điều 1 Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và văn bản hướng dẫn có liên quan. Đến nay, Nghị định số 189/2013/NĐ-CP đã được thay thế bằng Nghị định số 126/2017/NĐ-CP.

Bên cạnh đó, theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; trước khi cơ quan, người có thẩm quyền quyết định chuyển đổi mô hình hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thành doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập phải được phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp theo quy định của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài sản công. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận

được quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền về việc chuyển đổi mô hình hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị sự nghiệp công lập có xây dựng phương án sử dụng nhà, đất sau khi chuyển đổi phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp được chuyển đổi từ đơn vị sự nghiệp công lập và phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở hoạt động sự nghiệp được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Chính phủ về sắp xếp lại, xử lý tài sản công.

Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh chỉ đang bước đầu xây dựng phương án thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công và chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và đến nay Bộ Tài chính chưa ban hành văn bản hướng dẫn việc lập, thẩm định dự toán chi phí chuyển đổi nên trong quá trình thực hiện chuyển đổi gặp khó khăn trong công tác thẩm định phương án xử lý tài sản là nhà, đất và chi phí cổ phần hoá của đơn vị sự nghiệp khi cổ phần hóa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

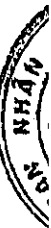
4. Các quy định về đất đai, tài nguyên, môi trường, xây dựng, kinh doanh bất động sản

- Tại khoản 5 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ chỉ áp dụng xử phạt xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị, như vậy khi tổ chức, cá nhân xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ tại nông thôn không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng thì UBND xã áp dụng theo điều khoản nào của Nghị định số 139/2017/NĐ-CP để xử phạt vi phạm hành chính.

- Theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 64 Luật Đất đai năm 2013 quy định về thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai: “Đất trồng cây hàng năm không sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục; đất trồng cây lâu năm không được sử dụng trong thời hạn 18 tháng liên tục; đất trồng rừng không được sử dụng trong thời hạn 24 tháng liên tục” nhưng Luật không quy định đối với đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác.

Công tác lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện: Tại điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định, trong quý III hàng năm, UBND cấp huyện gửi hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hàng năm của năm sau đến sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định. Tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm thì việc phê duyệt quyết định đầu tư đến ngày 31/10 của năm trước năm kế hoạch. Do đó, áp dụng theo Nghị định số 43/2014/NĐ-CP vào thời gian này thì nhiều dự án đầu tư công vẫn chưa được phê duyệt. Việc đăng ký danh mục công trình, dự án cho kế hoạch sử dụng đất của năm sau bị ảnh hưởng.

- Về quy trình thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của



pháp luật, tại khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 quy định: Việc thu hồi giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều này do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quy định tại Điều 105 của Luật này quyết định sau khi đã có kết luận của cơ quan thanh tra cùng cấp, văn bản có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp đất đai. Tuy nhiên, tại Khoản 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai quy định: Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận phát hiện Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai thì kiểm tra lại, thông báo cho người sử dụng đất biết rõ lý do vì quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định. Như vậy, giữa Luật Đất đai và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ đã có sự khác nhau. Luật Đất đai chỉ quy định cơ quan có thẩm quyền cấp, thu hồi giấy sau khi có kết luận của Thanh tra cùng cấp, văn bản có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ CP thì quy định cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy tự phát hiện Giấy đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai thì quyết định thu hồi.

- Tại Điều 95 Luật Đất đai 2013 quy định đăng ký đất đai là bắt buộc đối với người sử dụng đất và người được giao đất để quản lý (đăng ký lần đầu và đăng ký biến động), tuy nhiên không quy định thời gian bắt buộc thực hiện đăng ký lần đầu.

5. Các quy định về lao động, việc làm và an sinh xã hội

Các quy định về lao động, việc làm và an sinh xã hội vẫn còn một số văn bản chưa có sự thống nhất như: Theo khoản 3 Điều 3 Thông tư số 25/2016/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định, quản lý đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, khi xác định đối tượng tham gia bảo hiểm y tế phải đảm bảo đủ căn cứ, cụ thể như sau: “Quyết định công nhận và giải quyết chế độ của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đối với Người có công cách mạng, cựu chiến binh; thân nhân người có công với cách mạng; người có công nuôi dưỡng liệt sĩ; người phục vụ người có công với cách mạng”. Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh, tại khoản 7 Điều 2 quy định việc xác nhận cựu chiến binh: “Trường hợp hồ sơ bị thất lạc, việc xác nhận là Cựu chiến binh do cơ quan quân sự cấp xã nơi họ nhập ngũ phối hợp với Hội Cựu chiến binh cùng cấp xem xét xác minh lời khai của họ và lập danh sách để Ủy ban nhân dân nơi họ nhập ngũ xác nhận”. Như vậy, việc xác định đối tượng là cựu chiến binh giữa Thông tư số 25/2016/TT-BLĐTBXH và Nghị định số 150/2006/NĐ-CP là chưa thống nhất, việc xác định trường hợp thất lạc hồ sơ quy

định tại Khoản 7, Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP không đủ căn cứ để hưởng chế độ bảo hiểm y tế từ ngân sách nhà nước.

6. Các quy định về hợp đồng, giải quyết tranh chấp phát sinh trong kinh doanh, phá sản doanh nghiệp

Tại khoản 1 Điều 17 Luật Phá sản năm 2014 và Điểm g, Khoản 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) đều quy định cơ quan Thi hành án dân sự là cơ quan được giao nhiệm vụ, quyền hạn trong việc thi hành quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án. Tuy nhiên, quy định về thời hạn ra quyết định thi hành án trong các luật này lại chưa có sự thống nhất với nhau. Cụ thể, Luật Phá sản năm 2014 quy định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định tuyên bố phá sản, cơ quan Thi hành án dân sự có trách nhiệm chủ động ra quyết định thi hành án, phân công Chấp hành viên thi hành quyết định tuyên bố phá sản. Trong khi đó, Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) quy định trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án giải quyết phá sản thì Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền chủ động ra quyết định thi hành án và phân công Chấp hành viên tổ chức thi hành. Như vậy, quy định của hai văn bản luật này về thời hạn để cơ quan Thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án đối với quyết định tuyên bố phá sản là không thống nhất với nhau, từ đó gây ra những khó khăn cho cơ quan Thi hành án dân sự trong việc ban hành quyết định thi hành án, đồng thời là nguyên nhân làm phát sinh các khiếu nại liên quan đến việc tuân thủ quy định về thời hạn ra quyết định thi hành án.

Bên cạnh đó, quy định của Luật Phá sản năm 2014 và Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) về trường hợp định giá lại tài sản cũng chưa thống nhất. Theo Luật Phá sản năm 2014, định giá lại tài sản chỉ được thực hiện trong một trường hợp duy nhất là “khi có vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 122 của Luật này dẫn đến sai lệch kết quả định giá tài sản. Trong khi đó, khoản 1 Điều 99 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) quy định 02 trường hợp có thể định giá lại tài sản kê biên gồm: *Chấp hành viên có vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 98 của Luật này dẫn đến sai lệch kết quả định giá tài sản; đương sự có yêu cầu định giá lại trước khi có thông báo công khai về việc bán đấu giá tài sản.* Như vậy, so với Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014), Luật Phá sản năm 2014 đã thu hẹp các trường hợp định giá lại. Việc người được thi hành án (trong đó có các chủ nợ của doanh nghiệp, Hợp tác xã bị phá sản) không có quyền yêu cầu việc định giá lại tài sản của doanh nghiệp, Hợp tác xã bị phá sản có thể sẽ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ trong việc được thanh toán các khoản nợ.

7. Các quy định về kiểm tra chuyên ngành

Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 07/2018/QĐ-UBND ngày 04/5/2018 về quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký kinh doanh. Công tác phối hợp quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập được tăng cường; công bố đường dây nóng và mở hộp thư điện tử tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp về tình trạng chông chéo, trùng lấp, nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra. Cơ quan đăng ký kinh doanh đã kịp thời cung cấp các thông tin định kỳ về tình hình đăng ký doanh nghiệp tới các ngành, địa phương liên quan nhằm nắm bắt, xử lý các phát sinh của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động, trong năm 2019 đã phối hợp với cơ quan thuế xử lý thu hồi giấy chứng nhận đăng ký của 75 doanh nghiệp.

Thực hiện Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 06/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Công văn số 74/UBND-KSTT ngày 19/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố công khai và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính; Công văn số 795/UBND-NCPC ngày 25/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường các biện pháp phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ, các cơ quan chuyên môn đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh niêm yết việc tiếp nhận các kiến nghị phản ánh của người dân và doanh nghiệp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; công khai đường dây nóng số điện thoại, địa chỉ email trên trang thông tin điện tử để tiếp nhận và trả lời phản ánh kiến nghị cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

Thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, không phát sinh việc thanh tra, kiểm tra chông chéo đối với doanh nghiệp; không có khiếu nại của doanh nghiệp. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ không gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp, lắng nghe và ghi nhận các ý kiến của doanh nghiệp, tạo mọi điều kiện để doanh nghiệp hoạt động bình thường.

8. Các quy định về dịch vụ hỗ trợ tư pháp, tiếp cận pháp luật của doanh nghiệp

Thực hiện Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Kế hoạch 164/KH-UBND ngày 09/11/2018 của UBND tỉnh về Kế hoạch chuyển đổi hộ kinh doanh sang loại hình doanh nghiệp khác trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã trình UBND tỉnh xây dựng Đề án Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025 nhằm đưa ra những chính sách ưu đãi khuyến khích, thúc đẩy cho các hộ kinh doanh chuyển đổi sang doanh

ngành góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và hiệu quả quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn những khó khăn vướng mắc như: Việc cải cách thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp còn nhiều bất cập; các doanh nghiệp chưa chủ động trong việc đề nghị hỗ trợ pháp lý, không tích cực tham gia các lớp tập huấn khi được mời; trả lời miễn cưỡng, không sát với thực tế khi được khảo sát nhu cầu hỗ trợ pháp lý; tâm lý e ngại của các doanh nghiệp khi tham gia các chương trình hỗ trợ; đội ngũ cán bộ, nhân viên của các doanh nghiệp còn hạn chế trong việc tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng pháp luật; đội ngũ cán bộ phụ trách công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chủ yếu thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm, chưa được thường xuyên bồi dưỡng về nghiệp vụ nên đôi lúc còn lúng túng trong việc hỗ trợ pháp lý khi doanh nghiệp có yêu cầu. Do đó đề xuất:

- Cần đổi mới thể chế theo hướng ban hành quy định cụ thể về các chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp đối với từng bộ, ngành đã được quy định tại Luật Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để các sở, ngành thuộc UBND cấp tỉnh làm căn cứ để xây dựng chương trình hỗ trợ theo đúng quy định.

Đổi mới về việc cung cấp thông tin, trên Trang thông tin hỗ trợ doanh nghiệp

- Bộ Tư pháp cần bổ sung thêm chuyên mục cảnh báo rủi ro pháp lý đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; thường xuyên cập nhật, đăng tải một số bản án, quyết định của Tòa án; phán quyết, quyết định của trọng tài thương mại; quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định xử lý vi phạm hành chính liên quan đến doanh nghiệp được phép công khai để các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham khảo.

Về bồi dưỡng kiến thức pháp luật, tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho mạng lưới tư vấn pháp luật cấp tỉnh và xây dựng chương trình hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa cần tập trung vào các chuyên đề bồi dưỡng kiến thức pháp luật kinh doanh cho doanh nghiệp với nội dung là các lĩnh vực pháp luật liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như: Pháp luật về quản trị doanh nghiệp, hợp đồng, lao động và bảo hiểm xã hội; pháp luật về thuế, kế toán; pháp luật về cạnh tranh, sở hữu trí tuệ; pháp luật về kinh doanh bất động sản, đầu tư; các quy định mới của Bộ luật Dân sự 2015, Luật Doanh nghiệp 2015, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng; các quy định về Hiệp định Thương mại đối tác xuyên Thái Bình Dương TTP, Hiệp định tự do thương mại FTA. Ngoài ra cần tiếp tục tổ chức và nâng cao chất lượng các lớp bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ pháp chế doanh nghiệp, góp phần tăng cường năng lực tư vấn pháp lý cho đội ngũ này trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

9. Các quy định đảm bảo đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (trong đó, lưu ý tới vấn đề chuyển đổi số quốc gia, các mô hình kinh doanh mới trên nền tảng công nghệ số, khởi nghiệp sáng tạo, đầu tư mạo hiểm,

thương mại điện tử, tạo dựng, kết nối, chia sẻ dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, định danh số và xác thực điện tử, thanh toán điện tử, quản lý thuế)

- Tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) theo Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và các văn bản của Chính phủ còn chậm. Việc hỗ trợ DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh, khởi nghiệp sáng tạo, tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị theo các Điều 16 đến Điều 19 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong tình hình nay chưa nhiều.

- Môi trường đầu tư kinh doanh tuy tiếp tục được cải thiện, nhưng còn chậm, chưa có bước đột phá. Lĩnh vực đăng ký kinh doanh tuy có nhiều cải thiện nhưng thời gian để doanh nghiệp thực hiện các thủ tục cần thiết để đi vào hoạt động (thời gian làm thủ tục hành chính liên quan đến cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh như thủ tục đất đai, phòng cháy chữa cháy...) còn chậm.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành của các cơ quan hành chính chưa triệt để; việc áp dụng công nghệ thông tin để công khai và giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, doanh nghiệp của một số sở, ngành, địa phương còn chậm; dịch vụ công trực tuyến chỉ đạt ở mức độ 2, khai thác và sử dụng các dịch vụ công mức độ 3, 4 còn chưa cao; trình độ, kỹ năng, ứng dụng về công nghệ thông tin của người dân, doanh nghiệp còn hạn chế, thói quen thực hiện giao dịch trực tuyến còn ít.

10. Các quy định về phân cấp, phân quyền

Căn cứ tại mục 1, mục 2, Điều 39 Luật Ngân sách năm 2015 quy định: “1. Căn cứ vào nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương quy định tại Điều 37 và Điều 38 của Luật này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp cụ thể nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp ở địa phương...; 2. Căn cứ vào tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia do Chính phủ giao và các nguồn thu ngân sách địa phương hưởng 100%, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp ở địa phương.

Căn cứ các quy định nêu trên, địa phương đã ban hành phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách (tỉnh, huyện, xã); tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa các cấp ngân sách (tỉnh, huyện, xã) trong thời kỳ ổn định từ 2017 đến năm 2020.

Qua thời gian triển khai thực hiện cơ bản đã tạo được sự chủ động trong quản lý, khai thác có hiệu quả các nguồn thu, cân đối được nhiệm vụ chi của từng cấp ngân sách địa phương. Tuy nhiên, địa phương vẫn còn gặp khó khăn vướng mắc như: Tại điểm d khoản 7 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước quy định: “Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định



ngân sách làm ngân sách địa phương tăng thu lớn thì số tăng thu phải nộp về ngân sách cấp trên”. Thực tế các dự án mới thường phát sinh nằm trên địa bàn cấp huyện, cấp xã, trong khi tại điểm a khoản 7 Điều 9, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định: “Không thay đổi tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách” trong thời kỳ ổn định ngân sách.

11. Các quy định để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh nhằm kịp thời ứng phó và giảm thiểu tác động của dịch bệnh Covid-19 đến kinh tế

Thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương thường xuyên nắm bắt tình hình ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19; theo dõi, giám sát tình hình hạn hán, xâm nhập mặn trên địa bàn tỉnh định kỳ báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh đối với tăng trưởng kinh tế để dự báo lại kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2020.

Ban hành Công văn số 321/UBND-KTTH ngày 11/3/2020 về việc thực hiện Chỉ thị số 11/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19. Tiếp tục rà soát, đẩy mạnh đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, giải quyết ngay những khó khăn, vướng mắc, tạo mọi thuận lợi cho sản xuất kinh doanh; tuyệt đối tránh xin cho, gây khó khăn, phiền hà cho người dân, doanh nghiệp và công bố công khai việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp để biết, giám sát. Trong đó tập trung tái cấu trúc nghiệp vụ các thủ tục hành chính cấp độ 3, 4 tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia theo hướng cắt giảm mạnh chi phí, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Ban hành kịp thời các chế độ, chính sách theo quy định của Trung ương, phù hợp với thẩm quyền và tình hình thực tế của tỉnh để triển khai, áp dụng, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19. Rà soát, thực hiện việc giảm phí, lệ phí theo quy định của Nhà nước đối với các đối tượng chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh; đẩy nhanh thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh theo tinh thần Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2020 của Chính phủ; quán triệt làm tốt công tác hướng dẫn, tuyên truyền, vận động cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân về các cơ chế chính sách, giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Quốc hội, Chính phủ

a) Đề nghị Quốc hội sửa đổi, bổ sung cho đồng bộ, thống nhất giữa Luật Phòng, chống ma túy và Luật Xử lý vi phạm hành chính, trong quá trình tổ chức thực hiện khó khăn, vướng mắc như sau:

- Về quản lý sau cai nghiện: Tại Điều 33 Luật Phòng, chống ma túy (sửa đổi, bổ sung 2008) quy định sau khi chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc thì phải thực hiện quản lý sau cai nghiện từ 01 đến 02 năm, trường hợp có nguy cơ tái nghiện cao thì quản lý sau cai tại trung tâm, những người không có nguy cơ tái nghiện thì quản lý sau cai tại cộng đồng. Nhưng Luật Xử lý vi phạm hành chính lại quy định người chấp hành xong quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện đa chức năng thì giám đốc cơ sở cai nghiện ra chứng nhận chuyên về cấp xã quản lý.

- Khoản 2, Điều 28 Luật Phòng, chống ma túy quy định thẩm quyền đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Trong khi đó, khoản 2, Điều 105 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định thẩm quyền này là của Tòa án nhân dân cấp huyện.

b) Để bảo đảm sự thống nhất của các văn bản pháp luật, đề nghị Quốc hội nghiên cứu sửa đổi Luật Phá sản năm 2014 và Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) theo hướng thống nhất về thời hạn ra quyết định thi hành án đối với các quyết định tuyên bố phá sản của doanh nghiệp, hợp tác xã. Theo đó, cần xác định thời hạn ban hành quyết định tuyên bố phá sản là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án giải quyết phá sản theo tinh thần của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Bên cạnh đó, để bảo đảm quyền và lợi ích của người được thi hành án là các chủ nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, Luật Phá sản năm 2014 cần kế thừa quy định của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) bằng việc bổ sung thêm một trường hợp vào Điều 123 về định giá lại tài sản khi “Đương sự có yêu cầu định giá lại trước khi có thông báo công khai về việc bán đấu giá tài sản”.

c) Đề nghị Quốc hội và Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung đối với những nội dung còn bất cập, vướng mắc qua thực tế triển khai thi hành Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành luật, để công tác thi hành pháp luật đạt hiệu quả cao hơn, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước.

d) Đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định bổ sung vào Pháp lệnh nhóm đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08/11/2005, Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20/8/2010; Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011, Quyết định số

142/2008/QĐ-TTg ngày 27/10/2008, Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06/12/2007.

đ) Kiến nghị Trung ương giao Hội đồng nhân dân tỉnh được ban hành bổ sung tỷ lệ phần trăm (%) phân chia khoản thu giữa các cấp ngân sách trong thời kỳ ổn định.

e) Đề nghị Chính phủ cho phép Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chuyển nguồn đối với nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn cân đối ngân sách địa phương đối với các dự án còn dở dang để tiếp tục thực hiện.

g) Đề nghị Chính phủ xem xét sửa đổi Nghị định số 49/2014/NĐ-CP ngày 20/5/2014 quy định về giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với doanh nghiệp nhà nước trong việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của chủ sở hữu; trong đó cần quy định rõ thêm thẩm quyền, nội dung, phạm vi thanh tra của cơ quan thanh tra Chính phủ, thanh tra tỉnh, thanh tra huyện đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước; đồng thời sửa đổi quy định kiểm tra tối thiểu 01 năm 01 lần thành không quá 01 lần/năm cho phù hợp quan điểm chỉ đạo và quy định hiện hành.

h) Đề nghị Chính phủ sớm ban hành nghị định về chuyên đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần để địa phương có cơ sở thực hiện.

i) Đề nghị Chính phủ xem xét bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 5, Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội quy định “Trẻ em bị nhiễm HIV thuộc hộ nghèo; người nhiễm HIV thuộc hộ nghèo không còn khả năng lao động mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công hàng tháng, trợ cấp hàng tháng”. Đề nghị bổ sung nội dung “Trẻ em bị nhiễm HIV nhưng không thuộc hộ nghèo, nhóm trẻ em mắc các bệnh hiểm nghèo như: Ung thư, xương thủy tinh, suy thận, nhóm trẻ em bị xâm hại thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo” vào khoản 3, Điều 5, Nghị định số 136/2013/NĐ-CP. Vì thực tế nhóm trẻ em này thuộc nhóm yếu thế trong xã hội và đặc biệt là trẻ em bị nhiễm HIV, trẻ em mắc các bệnh hiểm nghèo phải điều trị dài ngày, chi phí cao, đa số các em đều rơi vào hoàn cảnh gia đình kinh tế, cuộc sống rất khó khăn.

k) Đề nghị Chính phủ xem xét điều chỉnh, bổ sung quy định: Về thẩm quyền giải quyết khiếu nại về lao động, an toàn, vệ sinh lao động tại Điều 15 Nghị định số 24/2018/NĐ-CP ngày 27/02/2018 của Chính phủ, người sử dụng lao động có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu và Chánh Thanh tra Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nơi người sử dụng lao động đặt trụ sở chính có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai đối với khiếu nại về lao động, an toàn, vệ sinh lao động khi người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết lần đầu. Tuy nhiên, tại Điều 200 của Bộ luật Lao động năm 2012 quy định cơ quan, cá nhân có thẩm quyền giải

quyết tranh chấp lao động cá nhân là hòa giải viên lao động và Toà án nhân dân, như vậy quy định tại Điều 15 Nghị định số 24/2018/NĐ-CP ngày 27/02/2018 của Chính phủ cho thấy chưa đồng bộ theo Điều 200, Bộ luật Lao động năm 2012.

l) Đề nghị Chính phủ ban hành, sửa đổi kịp thời các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Bảo hiểm xã hội, nhất là về cơ chế, chính sách xử lý nợ bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm tai nạn (BHTN) ở những doanh nghiệp giải thể, phá sản, chủ bỏ trốn để giải quyết quyền lợi cho người lao động; nâng cao vai trò của tổ chức công đoàn và người lao động trong việc thanh tra, kiểm tra các đơn vị sử dụng lao động; đẩy mạnh hơn nữa sự phối hợp giữa Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Bảo hiểm xã hội Việt Nam trong việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN.

Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung chính sách bảo hiểm thất nghiệp tại Luật Việc làm theo hướng hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động duy trì việc làm, bảo đảm quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp và người lao động, khắc phục tình trạng gian lận, trục lợi BHTN; sửa đổi, bổ sung các văn bản liên quan đến việc xử lý các hành vi vi phạm trong lĩnh vực BHTN theo hướng nâng cao mức xử phạt, bổ sung biện pháp khắc phục hậu quả và bổ sung thêm các hành vi vi phạm để tăng tính răn đe, tuân thủ quy định pháp luật của người lao động, người sử dụng lao động và các cơ quan trong quá trình tổ chức thực hiện BHTN.

2. Đối với Bộ, ngành Trung ương

a) Đề nghị các Bộ, ngành Trung ương sớm trình Chính phủ ban hành văn bản quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo; dạy nghề; y tế; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin truyền thông và báo chí để địa phương có cơ sở hướng dẫn các đơn vị thực hiện.

b) Đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Y tế có văn bản hướng dẫn về cơ chế quản lý đối với giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và dịch vụ giáo dục, đào tạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở giáo dục, đào tạo cụ thể là chính sách thuế.

c) Đề nghị Thanh tra Chính phủ chỉ đạo các cơ quan thanh tra Bộ, ngành Trung ương thông tin các cuộc thanh tra tại địa phương đến Thanh tra tỉnh biết để tránh chồng chéo, trùng lặp góp phần thực hiện tốt pháp luật thanh tra các văn bản khác có liên quan về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

d) Đề nghị Bộ Tài chính sớm có hướng dẫn việc trích lập, quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người đại diện vốn nhà nước tại công ty cổ phần có vốn nhà nước; hướng dẫn việc xử lý số dư của quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của kiểm soát viên và người đại diện vốn nhà nước.

đ) Đề nghị Bộ Tài chính, xem xét điều chỉnh, bổ sung định mức chi hỗ trợ 01 lần trực tiếp đối với trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị bạo lực tại Thông tư số

98/2017/TT-BTC ngày 29/9/2017 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu phát triển hệ thống trợ giúp xã hội giai đoạn 2016-2020; cụ thể mức chi hỗ trợ từ 03 đến 05 triệu đồng/trường hợp.

e) Theo quy định tại Điều 70 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ, quy định về khen thưởng, kỷ luật áp dụng đối với người đang chữa trị, cai nghiện. Tuy nhiên, theo Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐTBXH-BCA ngày 06/6/2012 giữa Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an, hướng dẫn tại điểm b khoản 5 Điều 27: Hình thức kỷ luật giáo dục tại phòng kỷ luật không áp dụng đối với học viên tự nguyện. Vì vậy, đề nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Công an xem xét, điều chỉnh bổ sung Thông tư hướng dẫn cho đồng bộ với Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ, có quy định chế tài xử lý đối với người cai nghiện tự nguyện để hạn chế việc vi phạm nội quy, quy chế tại cơ sở cai nghiện.

g) Đề nghị Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sớm xây dựng trình Chính phủ Đề án Luật Phòng, chống mại dâm trên cơ sở Pháp lệnh phòng, chống mại dâm hiện nay và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Quy định tiêu chí chấm điểm đánh giá xã, phường, thị trấn về phòng, chống tệ nạn ma túy, mại dâm.

Đề xuất kiến nghị Chính phủ sửa đổi quy định tại khoản 7 Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh để xác định trường hợp thất lạc hồ sơ của đối tượng là cựu chiến binh đảm bảo có đủ căn cứ để hưởng chế độ bảo hiểm y tế từ ngân sách nhà nước.

h) Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường: Nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách và các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt là sớm ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Luật Đa dạng sinh học năm 2008. Rà soát, điều chỉnh lại thời gian thực hiện lập và gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường các cấp trong Thông tư số 19/2016/TT-BTNMT ngày 24/8/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo công tác bảo vệ môi trường cho hợp lý hơn và giảm bớt một số chỉ tiêu không cần thiết. Đồng thời bổ sung các quy định quản lý đặc thù riêng đối với các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề.

Ban hành cụ thể chính sách cụ thể để khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hỗ trợ giải quyết các vấn đề về ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững, như tăng cường năng lực và thể chế về bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, ứng



phó với biến đổi khí hậu; phòng ngừa và xử lý ô nhiễm... Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, khuyến khích doanh nghiệp sản xuất sạch hơn, tiết kiệm năng lượng, phát triển mô hình sản xuất các sản phẩm thân thiện môi trường.

Trên đây là báo cáo kết quả cung cấp thông tin, phản ánh về vướng mắc, hạn chế của hệ thống pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang, gửi Bộ Tư pháp tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP, P. NCPC;
- Lưu: VT, nttrng.

CHỦ TỊCH



Phạm Vũ Hồng

